



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 27111000018 ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận 2703001077 ngày 20 tháng 12 năm 2006
Đăng ký Doanh nghiệp số 2703001077 ngày 26 tháng 9 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2703001077 ngày 26 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch
Ông Văn Thanh Liêm	Thành viên
Ông Cao Thanh Bích	Thành viên
Ông Võ Hải Thanh	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Anh	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thanh Thủy	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Hoàng Thanh Vân	Thành viên
Ông Đặng Hải Hà	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Võ Hải Thanh	Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Anh	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Lâm Hòa	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khối 1, Xã Hưng Đạo
Huyện Hưng Nguyên
Tỉnh Nghệ An
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.


Thay mặt Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA
SÀI GÒN - SÔNG LAM
H. HƯNG NGHỆ AN
Võ Hải Thành
Giám đốc

Nghệ An, ngày 25 tháng 2 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 2 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 12 tháng 3 năm 2018.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00315-19-2



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng Nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		202.171.661.011	125.010.181.918
Tiền	110	5	17.526.002.982	14.826.986.462
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.000.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	32.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.671.607.874	33.333.643.371
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	62.471.879.208	30.086.771.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		440.179.720	1.924.757.582
Phải thu ngắn hạn khác	136		759.548.946	1.322.114.789
Hàng tồn kho	140	8	87.205.047.650	75.074.714.165
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.769.002.505	1.774.837.920
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.769.002.505	1.774.837.920
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		633.174.992.684	699.882.503.791
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		615.257.764.921	683.856.444.289
Tài sản cố định hữu hình	221	9	615.257.764.921	683.856.444.289
Nguyên giá	222		1.262.345.715.800	1.254.381.678.445
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(647.087.950.879)	(570.525.234.156)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		91.650.000	91.650.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(91.650.000)	(91.650.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		562.500.000	562.500.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242		562.500.000	562.500.000
Tài sản dài hạn khác	260		17.324.727.763	15.433.559.502
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	17.324.727.763	15.433.559.502
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		835.346.653.695	824.892.685.709

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		350.509.934.853	328.569.154.288
Nợ ngắn hạn	310		350.189.934.853	328.249.154.288
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	19.553.086.340	7.832.585.020
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	92.375.947.499	80.027.996.224
Phải trả người lao động	314		6.478.473.570	3.841.950.442
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	6.477.067.534	7.186.119.031
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	3.801.474.448	5.147.210.369
Vay ngắn hạn	320	15	216.614.876.467	213.709.924.414
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	4.889.008.995	10.503.368.788
Nợ dài hạn	330		320.000.000	320.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		320.000.000	320.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		484.836.718.842	496.323.531.421
Vốn chủ sở hữu	410	17	484.836.718.842	496.323.531.421
Vốn cổ phần	411	18	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	20	6.516.196.015	6.516.196.015
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	858.459.056
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.320.522.827	38.948.876.350
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.961.638.858	3.017.588.032
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		25.358.883.969	35.931.288.318
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		835.346.653.695	824.892.685.709

Ngày 25 tháng 2 năm 2019

Người lập:


Văn Bá Thi
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Võ Hải Thanh
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

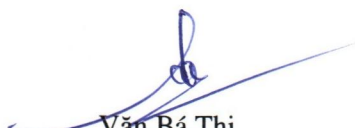
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	868.824.159.686	863.496.777.241
Giá vốn hàng bán	11	23	792.284.970.183	766.325.923.319
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		76.539.189.503	97.170.853.922
Doanh thu hoạt động tài chính	21		700.334.332	1.691.057.587
Chi phí tài chính	22	24	11.866.818.659	12.509.771.517
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.848.780.198	12.476.689.873
Chi phí bán hàng	25		1.177.222.999	1.233.273.136
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	24.239.152.837	24.829.898.665
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		39.956.329.340	60.288.968.191
Thu nhập khác	31		667.931.475	591.247.426
Chi phí khác	32		71.072.404	-
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		596.859.071	591.247.426
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.553.188.411	60.880.215.617
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	8.264.271.487	12.560.585.352
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		32.288.916.924	48.319.630.265
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	564	820

Ngày 25 tháng 2 năm 2019

Người lập:


Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Võ Hải Thanh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	40.553.188.411	60.880.215.617
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	76.562.716.723	75.450.001.290
Lãi tiền gửi	05	(700.334.332)	(1.587.113.279)
Chi phí lãi vay	06	11.848.780.198	12.476.689.873
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	128.264.351.000	147.219.793.501
Biến động các khoản phải thu	09	(30.337.964.503)	22.854.915.956
Biến động hàng tồn kho	10	(12.130.333.485)	23.087.906.073
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	27.994.884.705	(63.029.911.933)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.885.332.846)	(2.942.618.770)
		111.905.604.871	127.190.084.827
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.782.606.632)	(12.485.852.512)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.030.269.920)	(10.441.716.410)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.390.089.296)	(9.071.265.587)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	76.702.639.023	95.191.250.318
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(8.303.463.384)	(14.051.771.664)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(32.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	700.334.332	1.587.113.279
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(39,603,129,052)	(12.464.658.385)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	884.702.477.666	840.753.994.500
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(881.797.525.613)	(960.108.414.558)
Tiền chi trả cổ tức	36	(37.305.445.504)	(52.694.500.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(34.400.493.451)	(172.048.920.458)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.699.016.520	(89.322.328.525)
Tiền đầu năm	60	14.826.986.462	104.149.314.987
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	17.526.002.982	14.826.986.462

Ngày 25 tháng 2 năm 2019

Người lập:



Văn Bá Thi
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Võ Hải Thanh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 210 nhân viên (1/1/2018: 209 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 148 tỷ VND (1/1/2018: 203 tỷ VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 15). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng theo đơn đặt hàng từ công ty mẹ là Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) *Thu nhập từ tiền lãi*

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác bao gồm kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	456.069.230	476.503.230
Tiền gửi ngân hàng	17.069.933.752	14.350.483.232
	<hr/>	<hr/>
	17.526.002.982	14.826.986.462

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn trên 3 tháng nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày gửi tiền. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 7,0% một năm (1/1/2018: Không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	58.559.536.728	28.545.202.840
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Saco Đại Thành	3.086.517.480	1.530.515.360
Các khách hàng khác	825.825.000	11.052.800
	62.471.879.208	30.086.771.000

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	58.559.536.728	28.545.202.840
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn - Miền Bắc	825.825.000	-
	825.825.000	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.060.501.540	-	-	-
Nguyên vật liệu	47.216.005.005	-	38.292.856.011	-
Công cụ và dụng cụ	586.994.696	-	227.896.363	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.543.816.712	-	21.281.332.116	-
Thành phẩm	12.797.729.697	-	15.272.629.675	-
	87.205.047.650	-	75.074.714.165	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóng Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	217.215.084.841	1.021.438.227.517	7.122.541.526	7.012.582.054	1.593.242.507	1.254.381.678.445
Tăng trong năm	1.268.051.817	4.193.591.724	-	2.352.350.632	-	7.813.994.173
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	150.043.182	-	150.043.182
Số dư cuối năm	218.483.136.658	1.025.631.819.241	7.122.541.526	9.514.975.868	1.593.242.507	1.262.345.715.800
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	47.197.564.387	510.815.477.774	6.774.056.736	4.692.162.883	1.045.972.376	570.525.234.156
Khấu hao trong năm	10.265.422.676	64.632.984.946	174.242.400	1.224.526.297	265.540.404	76.562.716.723
Số dư cuối năm	57.462.987.063	575.448.462.720	6.948.299.136	5.916.689.180	1.311.512.780	647.087.950.879
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	170.017.520.454	510.622.749.743	348.484.790	2.320.419.171	547.270.131	683.856.444.289
Số dư cuối năm	161.020.149.595	450.183.356.521	174.242.390	3.598.286.688	281.729.727	615.257.764.921

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 9.472 triệu VND (1/1/2018: 9.040 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018, toàn bộ tài sản cố định hữu hình của Công ty được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	14.990.627.124	347.700.229	95.232.149	15.433.559.502
Tăng trong năm	9.705.825.000	2.345.529.762	109.683.334	12.161.038.096
Phân bổ trong năm	(9.491.913.558)	(655.072.613)	(122.883.664)	(10.269.869.835)
Số dư cuối năm	15.204.538.566	2.038.157.378	82.031.819	17.324.727.763

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	11.369.131.887	-
Công ty TNHH Điện hơi Công nghiệp Tín Thành	1.930.240.836	2.232.697.824
Các nhà cung cấp khác	6.253.713.617	5.599.887.196
	19.553.086.340	7.832.585.020

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	11.369.131.887	-
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	238.440.128	226.425.919
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	73.315.000	73.315.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Bia Sài Gòn	64.790.000	-

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	66.894.971.555	817.578.956.568	(804.553.180.140)	79.920.747.983
Thuế giá trị gia tăng	8.720.286.388	168.849.659.667	(167.628.018.040)	9.941.928.015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.185.313.624	8.264.271.487	(10.030.269.920)	2.419.315.191
Thuế thu nhập cá nhân	227.424.657	1.345.520.572	(1.478.988.919)	93.956.310
	80.027.996.224	996.038.408.294	(983.690.457.019)	92.375.947.499

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	4.550.077.807	4.483.904.241
Chi phí vận chuyển và bốc xếp	788.412.762	604.111.498
Chi phí bảo trì	-	330.221.818
Chi phí phải trả khác	1.138.576.965	1.767.881.474
	6.477.067.534	7.186.119.031

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả	3.441.063.682	4.746.509.186
Kinh phí công đoàn	100.865.116	102.437.283
Phải trả ngắn hạn khác	259.545.650	298.263.900
	3.801.474.448	5.147.210.369

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Vay ngắn hạn**

	1/1/2018	Biến động trong năm		31/12/2018
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	213.709.924.414	884.702.477.666	881.797.525.613	216.614.876.467

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh (*)	VND	5,2% - 7,0%	216.614.876.467	213.709.924.414

(*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 400 tỷ VND và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 615.258 triệu VND (1/1/2018: 683.856 triệu VND) (Thuyết minh 9) và quyền sử dụng đất số A1189767 ngày 22 tháng 5 năm 2009.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	10.503.368.788	9.088.944.789
Trích lập trong năm (Thuyết minh 17)	6.917.270.447	11.429.341.947
Sử dụng trong năm	(12.531.630.240)	(10.014.917.948)
Số dư cuối năm	4.889.008.995	10.503.368.788

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	450.000.000.000	6.516.196.015	1.037.546.344	57.058.588.032	514.612.330.391
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	48.319.630.265	48.319.630.265
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(54.000.000.000)	(54.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(11.429.341.947)	(11.429.341.947)
Trích các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(1.179.087.288)	-	(1.179.087.288)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	450.000.000.000	6.516.196.015	858.459.056	38.948.876.350	496.323.531.421
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	32.288.916.924	32.288.916.924
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(6.917.270.447)	(6.917.270.447)
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(858.459.056)	-	(858.459.056)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	450.000.000.000	6.516.196.015	-	28.320.522.827	484.836.718.842

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

19. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 36 tỷ VND (tương đương 800 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 (2017: 54 tỷ VND, tương đương 1.200 VND/cổ phiếu).

20. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	857.528.064	857.528.064
Từ hai đến năm năm	3.430.112.256	4.287.640.320
Sau năm năm	30.227.864.256	30.871.010.304
	<hr/>	<hr/>
	34.515.504.576	36.016.178.688
	<hr/>	<hr/>

22. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	861.826.259.872	857.225.981.030
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.679.405.216.440	1.592.984.730.600
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(817.578.956.568)	(735.758.749.570)
▪ Doanh thu khác	6.997.899.814	6.270.796.211
	<hr/>	<hr/>
	868.824.159.686	863.496.777.241
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Giá vốn hàng bán**

	2018	2017
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	781.191.380.701	758.860.445.422
▪ Giá vốn khác	11.093.589.482	7.465.477.897
	<hr/>	<hr/>
	792.284.970.183	766.325.923.319
	<hr/>	<hr/>

24. Chi phí tài chính

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	11.848.780.198	12.476.689.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	18.038.461	33.081.644
	<hr/>	<hr/>
	11.866.818.659	12.509.771.517
	<hr/>	<hr/>

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	10.122.246.140	10.601.569.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.582.807.044	5.321.387.876
Thuế và lệ phí	886.254.721	886.254.876
Chi phí khấu hao	750.495.557	716.280.081
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	451.226.216	733.527.107
Chi phí khác	6.446.123.159	6.570.879.600
	<hr/>	<hr/>
	24.239.152.837	24.829.898.665
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	643.360.017.443	614.582.586.150
Chi phí khấu hao	76.562.716.723	75.450.001.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.575.963.675	55.287.853.933
Chi phí nhân công	34.378.274.232	32.842.247.451
Chi phí khác	7.611.958.564	6.896.972.509

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	8.264.271.487	12.395.279.371
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	165.305.981
	8.264.271.487	12.560.585.352

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.553.188.411	60.880.215.617
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.110.637.682	12.176.043.123
Chi phí không được khấu trừ thuế	153.633.805	219.236.248
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	165.305.981
	8.264.271.487	12.560.585.352

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	32.288.916.924	48.319.630.265
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	(6.917.270.447)	(11.429.341.947)
	25.371.646.477	36.890.288.318

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 2017. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2018	2017
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn		
Bán hàng (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.678.702.838.360	1.592.238.455.400
Mua nguyên vật liệu	572.938.510.099	514.698.780.078
Cổ tức	24.760.000.000	37.140.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua vỏ chai	10.673.470.000	8.004.309.760
Phí sử dụng vỏ chai	932.672.843	865.023.563
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	847.850.000	795.150.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	2018	2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hóa	880.721.688	821.851.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco		
Phí dịch vụ tư vấn	274.290.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn – Miền Bắc		
Bán hàng	750.750.000	-
Mua nguyên vật liệu	44.000.000	-
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.905.240.642	2.012.219.031

30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 25 tháng 2 năm 2019

Người lập:


Văn Bá Thi
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:


Võ Hải Thanh
 Giám đốc

